

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Srong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 28 tháng 9 năm 2011. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: HTI

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Thúc	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Ủy viên
	Ông Phan Văn Quang	Ủy viên
	Bà Trần Thúy Hương	Ủy viên
	Ông Lê Quốc Đạt	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Lê Quốc Đạt	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
	Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
	Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/01/2017)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Hồng Ninh**

**Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Số: 200/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

**Kính gửi:** Các **Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (gọi tắt là “Công ty”), được lập tại ngày 17 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Phan Thanh Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017

---

**Nguyễn Thị Minh Anh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	12/31/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>33.908.201.218</b>	<b>77.102.455.242</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>9.231.203.224</b>	<b>8.336.932.869</b>
1. Tiền	111		9.231.203.224	8.336.932.869
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>38.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	38.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.959.766.516</b>	<b>15.443.026.166</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.049.084.694	2.861.861.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.992.899.038	4.584.796.106
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.662.210.945	8.740.796.861
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(744.428.161)	(744.428.161)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>2.357.753.490</b>	<b>14.866.198.585</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.357.753.490	14.866.198.585
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.359.477.988</b>	<b>456.297.622</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.299.986.305	395.233.939
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.6	59.491.683	61.063.683
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.314.605.302.416</b>	<b>1.190.029.262.993</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.949.913.213</b>	<b>17.930.773.120</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	7.949.913.213	17.930.773.120
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>969.174.888.905</b>	<b>1.085.653.567.657</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	969.090.563.926	1.085.540.485.530
- Nguyên giá	222		1.790.215.160.474	1.789.066.687.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(821.124.596.548)	(703.526.202.438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	84.324.979	113.082.127
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(831.399.821)	(802.642.673)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>333.735.250.298</b>	<b>84.625.950.047</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	333.735.250.298	84.625.950.047
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.745.250.000</b>	<b>1.818.972.169</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	48.862.780
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	3.745.250.000	1.770.109.389
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.348.513.503.634</b>	<b>1.267.131.718.235</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	12/31/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>948.985.580.665</b>	<b>897.592.502.446</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>128.124.546.842</b>	<b>81.662.840.431</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	27.578.092.427	17.934.535.706
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	15.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	2.922.635.929	2.791.074.299
4. Phải trả người lao động	314		6.549.492.478	6.837.709.757
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	4.485.141.735	3.421.708.594
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	10.016.712.474	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	74.905.000.000	35.402.187.790
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.667.471.799	275.624.285
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>820.861.033.823</b>	<b>815.929.662.015</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	7.210.914.011	7.210.914.011
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.13	813.650.119.812	808.718.748.004
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>399.527.922.969</b>	<b>369.539.215.789</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>399.527.922.969</b>	<b>369.539.215.789</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.232.017.206	29.299.599.171
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.803.905.763	90.747.616.618
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		50.987.651.069	32.977.466.330
- LNST chưa phân phối kì này	421b		62.816.254.694	57.770.150.288
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (430 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.348.513.503.634</b>	<b>1.267.131.718.235</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Người lập



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	403.819.090.117	303.450.470.360
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		403.819.090.117	303.450.470.360
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	258.095.570.324	171.710.250.989
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		145.723.519.793	131.740.219.371
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	1.474.184.432	1.790.539.438
7. Chi phí tài chính	22	5.19	28.610.406.445	24.529.413.461
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.610.406.445	24.529.413.461
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	37.074.657.978	32.488.622.974
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	15.517.202.565	15.842.983.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		65.995.437.237	60.669.738.749
11. Thu nhập khác	31		199.007.504	172.727.289
12. Chi phí khác	32		35.018.746	14.371.218
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		163.988.758	158.356.071
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		66.159.425.995	60.828.094.820
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	5.318.311.912	4.828.053.921
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.975.140.611)	(1.770.109.389)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		62.816.254.694	57.770.150.288
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	2.401,6	2.199,7
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.24	2.401,6	2.199,7

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	66.159.425.995	60.828.094.820
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	117.627.151.258	111.939.937.970
- Các khoản dự phòng	3	39.502.812.210	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1.474.184.432)	(1.790.539.438)
- Chi phí lãi vay	6	28.610.406.445	24.529.413.461
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	250.425.611.476	195.506.906.813
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	(6.439.060.809)	14.793.108.639
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	12.508.445.095	(14.162.372.440)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(140.223.774.313)	(22.724.561.072)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	48.862.780	3.394.860.970
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.610.406.445)	(24.529.413.461)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.283.482.887)	(2.582.499.414)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.496.660.000)	(2.096.069.884)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>80.929.534.897</i>	<i>147.599.960.151</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(114.403.416.356)	(101.572.285.105)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(83.893.314.823)	(180.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	121.893.314.823	160.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.000.000.000	23.482.780.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.474.184.432	1.558.789.438
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(64.929.231.924)</i>	<i>(96.530.715.667)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	82.478.260.279	62.254.391.589
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(67.530.175.997)	(74.247.177.152)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.054.116.900)	(39.456.820.940)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(15.106.032.618)</i>	<i>(51.449.606.503)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>894.270.355</i>	<i>(380.362.019)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.336.932.869	8.717.294.888
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>9.231.203.224</u>	<u>8.336.932.869</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương – An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 410300873) cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 28 tháng 09 năm 2011.

Công ty TNHH BOT An Sương – An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Sương – An Lạc thuộc địa phận TP. HCM; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 01 số 05/GPĐC1-ĐTTN ngày 07/04/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 02 số 05/GPĐC2-ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 là 249.492.000.000 đồng.

Sở hữu vốn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt nam - TNHH MTV	11.850.870	118.508.700.000	47,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	2.494.920	24.949.200.000	10,00%
Vốn của cổ đông khác	10.603.410	106.034.100.000	42,50%
<b>Tổng</b>	<b>24.949.200</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: HTI

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: 335 người (Tại 31/12/2015 là: 321 người).

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/9/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng kể từ tháng 01/2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

**1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc kế toán tiền và tương đương tiền**

*Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)*

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

##### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

##### a. Nguyên tắc kế toán

###### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

###### Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	07
Thiết bị văn phòng	08
Phương tiện vận tải	04

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Suong - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính. Trước đây, công ty ước tính và áp dụng với tỷ lệ là 35,80%. Kể từ ngày 01/7/2013, tỷ lệ khấu hao tính trên doanh thu trong những năm cuối của thời kỳ thu phí giai đoạn 01 được điều chỉnh bổ sung theo doanh thu tăng ước tính và phù hợp với thời gian hoàn vốn còn lại. Tỷ lệ khấu hao trong năm áp dụng là 35,2% tính trên doanh thu

Tài sản cố định vô hình trình bày phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 07 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

##### Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

##### Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

##### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

###### Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

###### Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

##### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 04 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 09 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ theo hướng dẫn tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	3.145.219.980	5.752.571.348
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.085.983.244	2.584.361.521
<b>Tổng</b>	<b>9.231.203.224</b>	<b>8.336.932.869</b>

**5.2 Các khoản phải thu khách hàng**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>8.049.084.694</b>	<b>2.861.861.360</b>
Ban quản lý dự án Khu dân cư mở rộng phường 6, Long An (*)	523.336.000	1.383.761.000
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trường THPT Tây Đô	18.855.000	1.130.601.000
Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viễn	6.046.615.694	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng kỹ thuật Đông Dương	1.251.450.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	208.828.000	347.499.360
<b>Tổng</b>	<b>8.049.084.694</b>	<b>2.861.861.360</b>

**5.3 Các khoản phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.662.210.945</b>	<b>667.359.558</b>	<b>8.740.796.861</b>	<b>667.359.558</b>
Tạm ứng	1.722.913.247	-	7.527.183.857	-
Ký cược, ký quỹ	207.224.492	-	192.550.716	-
Phải thu khác	732.073.206	667.359.558	1.021.062.288	667.359.558
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.949.913.213</b>	<b>-</b>	<b>17.930.773.120</b>	<b>-</b>
Ký quỹ ký cược dài hạn	19.140.093	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An (Dự án KDC Trung tâm mở rộng)	7.930.773.120	-	17.930.773.120	-
<b>Tổng</b>	<b>10.612.124.158</b>	<b>667.359.558</b>	<b>26.671.569.981</b>	<b>667.359.558</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.4 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	744.428.161	-	744.428.161	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Ông Ngô Văn Quang	-	-	-	116.574.900
Ông Trương Bá Tông	-	-	-	325.977.668
Các đối tượng khác	-	-	-	301.875.593

**5.5 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	456.735.404	-	459.324.810	-
Công cụ, dụng cụ	45.292.489	-	34.227.650	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.855.725.597	-	14.372.646.125	-
<b>Tổng</b>	<b>2.357.753.490</b>	<b>-</b>	<b>14.866.198.585</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thí công cầu mương lớn II và cầu Rạch Rộp II	1.855.725.597	-	14.076.904.440	-
Thí công hạ tầng dự án KDC mở rộng phường 6, Tân An, Long An	-	-	295.741.685	-
<b>Tổng</b>	<b>1.855.725.597</b>	<b>-</b>	<b>14.372.646.125</b>	<b>-</b>

**5.6 Thuế và nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>2.791.074.299</b>	<b>24.507.451.710</b>	<b>24.375.890.080</b>	<b>2.922.635.929</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	17.783.091.606	17.783.091.606	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.745.366.421	5.318.311.912	5.283.482.887	2.780.195.446
Thuế thu nhập cá nhân	45.707.878	1.402.048.192	1.305.315.587	142.440.483
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>61.063.683</b>	<b>1.572.000</b>	<b>-</b>	<b>59.491.683</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.572.000	1.572.000	-	-
Thuế XNK	59.491.683	-	-	59.491.683

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	1.770.431.224.261	8.757.586.602	8.983.784.600	894.092.505	1.789.066.687.968
Tăng trong năm	47.200.778	321.818.182	234.236.364	545.217.182	1.148.472.506
Mua trong năm	47.200.778	321.818.182	234.236.364	545.217.182	1.148.472.506
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	1.770.478.425.039	9.079.404.784	9.218.020.964	1.439.309.687	1.790.215.160.474
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	693.426.174.641	6.711.510.740	3.118.796.681	269.720.376	703.526.202.438
Tăng trong năm	116.214.846.352	446.007.101	779.785.055	157.755.602	117.598.394.110
Khấu hao trong năm	116.214.846.352	446.007.101	779.785.055	157.755.602	117.598.394.110
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	809.641.020.993	7.157.517.841	3.898.581.736	427.475.978	821.124.596.548
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2016	1.077.005.049.620	2.046.075.862	5.864.987.919	624.372.129	1.085.540.485.530
Tại ngày 31/12/2016	960.837.404.046	1.921.886.943	5.319.439.228	1.011.833.709	969.090.563.926

**Trong đó:**

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 775.395.329.794 đồng (tại ngày 31/12/2015 là: 3.894.907.862 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.8 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	915.724.800	915.724.800
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>915.724.800</b>	<b>915.724.800</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	802.642.673	802.642.673
Tăng trong năm	28.757.148	28.757.148
Khấu hao trong năm	28.757.148	28.757.148
Giảm trong năm	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>831.399.821</b>	<b>831.399.821</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2016	113.082.127	113.082.127
Tại ngày 31/12/2016	84.324.979	84.324.979

**5.9 Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>333.735.250.298</b>	<b>84.625.950.047</b>
Dự án đường Hà Huy Giáp, Quận 12	3.491.800.942	3.491.800.942
Dự án đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến Quốc lộ 1A	77.238.808.765	16.198.603.565
Dự án Đầu tư bổ sung nút giao Quốc lộ 1A Hương lộ 2	123.001.145.333	64.631.937.229
Dự án cầu vượt nút giao QL1 - Lê Trọng Tấn	119.763.190.130	-
Dự án cầu tạm Tân Kỳ Tân Quý, TPHCM	6.125.271.503	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.250.383.004	284.000.000
Các dự án khác	864.650.621	19.608.311
<b>Tổng</b>	<b>333.735.250.298</b>	<b>84.625.950.047</b>

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>3.745.250.000</b>	<b>1.770.109.389</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích trước chi phí duy tu sửa chữa định kỳ	3.745.250.000	1.770.109.389

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.11 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>27.578.092.427</b>	<b>27.578.092.427</b>	<b>17.934.535.706</b>	<b>17.934.535.706</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Lê Hà	980.322.389	980.322.389	5.671.667.920	5.671.667.920
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	-	-	1.518.144.227	1.518.144.227
Công ty Cổ phần kỹ thuật Đông Phương	-	-	1.231.572.694	1.231.572.694
Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Thăng Long	9.756.181.673	9.756.181.673	-	-
Công ty TNHH LEXIM	304.800.000	304.800.000	1.693.600.000	1.693.600.000
Công ty TNHH TM DV và Xây dựng Thiên Vũ	6.709.598.177	6.709.598.177	1.519.024.493	1.519.024.493
Các đối tượng khác	9.827.190.188	9.827.190.188	6.300.526.372	6.300.526.372
<i>Trong đó, phải trả bên liên quan</i>	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	198.605.040	198.605.040	320.050.700	320.050.700
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Idico Vinacontrol	10.150.145	10.150.145	6.897.224	6.897.224
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	-	-	1.518.144.227	1.518.144.227
<b>Tổng</b>	<b>27.578.092.427</b>	<b>27.578.092.427</b>	<b>17.934.535.706</b>	<b>17.934.535.706</b>

**5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.485.141.735</b>	<b>3.421.708.594</b>
Kinh phí công đoàn	-	50.100.174
Bảo hiểm xã hội	2.625.234	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.500.000	84.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	683.246.210	833.520.190
Phải trả các đội thi công của Công ty	2.710.294.887	2.093.735.980
Phải trả khác	1.064.475.404	359.852.250
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.210.914.011</b>	<b>7.210.914.011</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	3.088.608.011	3.088.608.011
UBND Quận Bình Tân chi phí bồi thường	4.122.306.000	4.122.306.000
<b>Tổng</b>	<b>11.696.055.746</b>	<b>10.632.622.605</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.13 Vay và nợ thuế tài chính**

	31/12/2016 (VND)		Trong kỳ		01/01/2016 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	10.016.712.474	10.016.712.474	27.910.888.471	17.894.175.997	-	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 2	10.016.712.474	10.016.712.474	17.910.888.471	7.894.175.997	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn	813.650.119.812	813.650.119.812	54.567.371.808	49.636.000.000	808.718.748.004	808.718.748.004	808.718.748.004
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (1)	813.650.119.812	813.650.119.812	54.567.371.808	49.636.000.000	808.718.748.004	808.718.748.004	808.718.748.004
<b>Tổng</b>	<b>823.666.832.286</b>	<b>823.666.832.286</b>	<b>82.478.260.279</b>	<b>67.530.175.997</b>	<b>808.718.748.004</b>	<b>808.718.748.004</b>	<b>808.718.748.004</b>

(1) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23 tháng 9 năm 2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/ Hương lộ 2 (giai đoạn 3) thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc. Thời hạn cho vay là 174 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân công 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHĐ-B.O.T ngày 22/09/2014.

Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201101490 ngày 18 tháng 10 năm 2011. Số tiền vay theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc sự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Thời hạn vay là 9,5 năm (thời gian ân hạn gốc 2,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian trả nợ gốc là 7 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày kết thúc thời gian ân hạn). Lãi suất cho vay theo công bố của Eximbank. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003.

**5.14 Dự phòng phải trả dài hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	74.905.000.000	35.402.187.790	-	-
Chi phí duy tu bảo dưỡng các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc	74.905.000.000	35.402.187.790	-	-
<b>Tổng</b>	<b>74.905.000.000</b>	<b>35.402.187.790</b>	<b>-</b>	<b>-</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 -DN

**5.15 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>249.492.000.000</b>	-	<b>24.908.514.689</b>	<b>79.116.889.346</b>	<b>353.517.404.035</b>
Tăng trong năm	-	-	<b>4.391.084.482</b>	<b>57.770.150.288</b>	<b>62.161.234.770</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	<b>57.770.150.288</b>	<b>57.770.150.288</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	<b>4.391.084.482</b>	-	<b>4.391.084.482</b>
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>46.139.423.016</b>	<b>46.139.423.016</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	<b>4.391.084.482</b>	<b>4.391.084.482</b>
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	<b>1.829.618.534</b>	<b>1.829.618.534</b>
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	<b>39.918.720.000</b>	<b>39.918.720.000</b>
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>249.492.000.000</b>	-	<b>29.299.599.171</b>	<b>90.747.616.618</b>	<b>369.539.215.789</b>
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>249.492.000.000</b>	-	<b>29.299.599.171</b>	<b>90.747.616.618</b>	<b>369.539.215.789</b>
Tăng trong năm	-	-	<b>6.932.418.035</b>	<b>62.816.254.694</b>	<b>69.748.672.729</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	<b>62.816.254.694</b>	<b>62.816.254.694</b>
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	<b>6.932.418.035</b>	-	<b>6.932.418.035</b>
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>39.759.965.549</b>	<b>39.759.965.549</b>
Chia cổ tức (*)	-	-	-	<b>29.903.842.920</b>	<b>29.903.842.920</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	<b>6.932.418.035</b>	<b>6.932.418.035</b>
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	<b>2.888.507.514</b>	<b>2.888.507.514</b>
Giảm khác	-	-	-	<b>35.197.080</b>	<b>35.197.080</b>
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>249.492.000.000</b>	-	<b>36.232.017.206</b>	<b>113.803.905.763</b>	<b>399.527.922.969</b>

(\*) Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2015 căn cứ theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22/04/2016 số 06/NQ-ĐHĐCĐ-CT, bao gồm: chia cổ tức 12% trên Vốn điều lệ, Quỹ đầu tư phát triển 12% trên lợi nhuận còn lại, Quỹ khen thưởng phúc lợi 5% lợi nhuận còn lại.

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp t.1eo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt nam - TNHH MTV Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	118.508.700.000	93.559.500.000
Vốn của cổ đông khác	24.949.200.000	20.439.100.000
<b>Tổng</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>

d. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.232.017.206	29.299.599.171
<b>Tổng</b>	<b>36.232.017.206</b>	<b>29.299.599.171</b>

5.16 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cước đường bộ	330.406.631.814	301.952.136.360
Doanh thu hoạt động xây lắp	71.931.329.303	-
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	1.481.129.000	1.498.334.000
<b>Tổng</b>	<b>403.819.090.117</b>	<b>303.450.470.360</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

## 5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn thu cước đường bộ	186.638.467.047	170.380.656.739
Giá vốn hoạt động xây lắp	70.050.035.844	-
Giá vốn hoạt động dịch vụ công ích	1.407.067.433	1.329.594.250
<b>Tổng</b>	<b>258.095.570.324</b>	<b>171.710.250.989</b>

## 5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.474.184.432	1.265.592.038
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	442.947.000
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sản xuất Gia công và Bao bì (Packsimex)	-	82.000.400
<b>Tổng</b>	<b>1.474.184.432</b>	<b>1.790.539.438</b>

## 5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	28.610.406.445	24.529.413.461
<b>Tổng</b>	<b>28.610.406.445</b>	<b>24.529.413.461</b>

## 5.20 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	29.503.893.796	25.516.384.719
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.772.104.929	1.843.101.233
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	771.561.864	559.870.770
Chi phí khấu hao TSCĐ	918.565.746	374.377.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.233.977.460	3.157.835.180
Chi phí bằng tiền khác	874.554.183	1.037.053.659
<b>Tổng</b>	<b>37.074.657.978</b>	<b>32.488.622.974</b>

## 5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.689.400.096	11.159.586.778
Chi phí vật liệu quản lý	197.568.344	265.205.071
Chi phí đồ dùng văn phòng	424.118.933	389.247.709
Chi phí khấu hao TSCĐ	439.905.959	386.720.569
Thuế phí và lệ phí	327.573.280	252.566.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.514.007.996	587.692.614
Chi phí bằng tiền khác	1.924.627.957	2.801.964.878
<b>Tổng</b>	<b>15.517.202.565</b>	<b>15.842.983.625</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	66.159.425.995	60.828.094.820
1.1 Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	40.206.812.210	36.175.930.600
Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh	704.000.000	773.742.810
Chi phí không được trừ	39.502.812.210	35.402.187.790
1.2 Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	442.947.000
Thu nhập từ nhận cổ tức	-	442.947.000
2. Thu nhập chịu thuế	106.366.238.205	96.561.078.420
2.1. Thu nhập chịu thuế, trong đó	106.366.238.205	96.561.078.420
Thu nhập được ưu đãi thuế	106.366.238.205	96.561.078.420
3. Thuế suất thuế TNDN áp dụng	10%	10%
4. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	10.636.623.821	9.656.107.841
5. Thuế thu nhập được miễn giảm 50%	5.318.311.910	4.828.053.920
6. Thuế TNDN hiện hành (4-5)	<u>5.318.311.912</u>	<u>4.828.053.921</u>

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62.816.254.694	57.770.150.288
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.897.500.000)	(2.888.507.514)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.918.754.694	54.881.642.774
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>2.401,6</u>	<u>2.199,7</u>

5.24 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62.816.254.694	57.770.150.288
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.897.500.000)	(2.888.507.514)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.918.754.694	54.881.642.774
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>2.401,6</u>	<u>2.199,7</u>

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.083.434.428	37.574.446.696
Chi phí nhân công	61.840.406.339	50.282.698.512
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.627.151.258	111.939.937.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.035.090.042	12.401.523.157
Chi phí khác bằng tiền	37.000.344.787	6.826.396.093
<b>Tổng</b>	<b>345.586.426.854</b>	<b>219.025.002.428</b>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Tính chất	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng và thù lao	3.018.821.502	2.407.991.722

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Giao dịch mua</b>				
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO INCON)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Phí tư vấn, giám sát	826.542.522	789.765.454
Công ty CP Kiểm định Xây dựng IDICO (IDICO - VINACONTROL)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Phí kiểm định	-	490.191.207
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO		-	1.993.231.419
<b>Tổng</b>			<b>826.542.522</b>	<b>3.273.188.080</b>

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Giao dịch khác</b>				
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị & KCN Việt Nam - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	Cổ tức	14.221.044.000	13.971.552.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Cổ tức	2.993.904.000	3.991.872.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Trả nợ	10.231.750.000	231.750.000
<b>Tổng</b>			<b>27.446.698.000</b>	<b>18.195.174.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu B 09 -DN****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b><u>Phải thu khác</u></b>			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	-	17.930.773.120
<b><u>Phải trả người bán</u></b>			
Công ty CP Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	198.605.040	320.050.700
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	-	1.518.144.227
<b><u>Phải trả khác</u></b>			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	3.088.608.011	3.088.608.011

**6.2 Báo cáo bộ phận****Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

Chỉ tiêu	Đầu tư VND	Xây lắp VND	Khác VND	Tổng VND
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	330.406.631.814	73.412.458.303	-	403.819.090.117
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH BỘ PHẬN</b>				
Lợi nhuận từ HĐKD	143.768.164.767	1.955.355.026	-	145.723.519.793
Thu nhập tài chính	-	-	1.474.184.432	1.474.184.432
Chi phí tài chính	(28.610.406.445)	-	-	(28.610.406.445)
Chi phí bán hàng từng bộ phận	-	-	-	(37.074.657.978)
Chi phí quản lý từng bộ phận	-	-	-	(15.517.202.565)
Kết quả thu nhập khác	-	-	163.988.758	163.988.758
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	66.159.425.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.318.311.912)	-	-	(5.318.311.912)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.975.140.611	-	-	1.975.140.611
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>62.816.254.694</b>

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Chỉ tiêu	Đầu tư VND	Xây lắp VND	Khác VND	Tổng VND
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	968.066.362.525	1.108.526.380	-	969.174.888.905
Xây dựng cơ bản dở dang	333.735.250.298	-	-	333.735.250.298
Các khoản phải thu	19.952.365.729	5.957.314.000	-	25.909.679.729
Hàng tồn kho	502.027.893	1.855.725.597	-	2.357.753.490
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	17.335.931.212
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.348.513.503.634</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	114.037.728.173	141.420.000	-	114.179.148.173
Phải trả tiền vay	823.666.832.286	-	-	823.666.832.286
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	11.139.600.206
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>948.985.580.665</b>

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.231.203.224	8.336.932.869
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.938.295.605	22.006.247.484
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	38.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>26.169.498.829</b>	<b>68.343.180.353</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	823.666.832.286	808.718.748.004
Phải trả người bán và phải trả khác	39.274.148.173	28.567.158.311
<b>Tổng</b>	<b>862.940.980.459</b>	<b>837.285.906.315</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện được các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện được các biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro về giá**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Tại 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	32.063.234.162	7.210.914.011	39.274.148.173
Các khoản vay	10.016.712.474	813.650.119.812	823.666.832.286
<b>Tổng</b>	<b>42.079.946.636</b>	<b>820.861.033.823</b>	<b>862.940.980.459</b>
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	21.356.244.300	7.210.914.011	28.567.158.311
Các khoản vay	-	808.718.748.004	808.718.748.004
<b>Tổng</b>	<b>21.356.244.300</b>	<b>815.929.662.015</b>	<b>837.285.906.315</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.231.203.224	-	9.231.203.224
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.988.382.392	7.949.913.213	16.938.295.605
Tài sản tài chính khác	207.224.492	-	207.224.492
<b>Tổng</b>	<b>18.426.810.108</b>	<b>7.949.913.213</b>	<b>26.376.723.321</b>
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.336.932.869	-	8.336.932.869
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.075.474.364	17.930.773.120	22.006.247.484
Đầu tư tài chính khác	38.000.000.000	-	38.000.000.000
Tài sản tài chính khác	142.550.716	-	142.550.716
<b>Tổng</b>	<b>50.554.957.949</b>	<b>17.930.773.120</b>	<b>68.485.731.069</b>

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh